TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 349/2025/QĐST - HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 286/2025/TLHNGĐ - ST ngày 01/8/2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Bùi Viết Đ, sinh ngày 14/02/1984
Căn cước công dân số 046084000211, cấp ngày 13/3/2024
Địa chỉ: phường O, quận G, TPHCM
(Nay là phường Y, thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Ánh T, sinh ngày 01/01/1983
Căn cước công dân số 079178027257, cấp ngày 25/4/2021
Địa chỉ: phường O, quận G, TPHCM
(Nay là phường Y, thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ vào các Điều 39, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về hôn nhân: Ông Bùi Viết Đ và bà Hoàng Thị Ánh T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2009, đăng ký ngày 12/8/2009, do Ủy ban nhân xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Bà Hoàng Thị Ánh T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng bốn con chung tên Bùi Hoàng Phú Q, sinh ngày 28/02/2010; Bùi Hoàng Minh T1, sinh ngày 24/6/2013; Bùi Hoàng Phúc L, sinh ngày 14/12/2016 và Bùi Hoàng Khang N, sinh ngày 19/9/2019 cho đến trưởng thành.

Ông Bùi Viết Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Ông Bùi Viết Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 04 con với số tiền 8.000.000 đồng/ 01 tháng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Các đương sự tự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Bắt đầu thực hiện từ 15/8/2025.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Hàng tháng ông Bùi Viết Đ còn có nghĩa vụ chi trả tiền học phí cho cả 04 con chung, cho đến khi các con trưởng thành, theo thông báo đóng học phí của nhà trường.

Trường hợp ông Bùi Viết Đ không tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con hoặc không chi trả tiền học phí cho các con thì bà Hoàng Thị Ánh T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thực hiện.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) ông Bùi Viết Đ chịu. Cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Bùi Viết Đ đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007106 ngày 01/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố hồ Chí Minh. Ông Bùi Viết Đ đã nộp đủ án phí.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6/ Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND KV7;
- PTHADS KV7;
- Nơi cấp GCNKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Lê Tứ Nhị